

# BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG THEO HIỆN TRẠNG

Công trình: Khu tái định cư Đồng Bờ Bướm thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Địa điểm: Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND xã Bình Sơn)

| STT       | Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000 năm 2025 |           |         |                |           |          | Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003 |         |                |          |                  | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------|-----------|---------|----------------|-----------|----------|-------------------------------------|---------|----------------|----------|------------------|---------|
|           | Chủ quản lý, sử dụng                  | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m²) |           | Loại đất | Tờ BĐ ĐC                            | Số thửa | Diện tích (m²) | Loại đất | GCNQSDĐ (nếu có) |         |
|           |                                       |           |         | Trích lục      | Quy hoạch |          |                                     |         |                |          |                  |         |
|           | UBND xã Bình Sơn quản lý              |           |         |                |           |          |                                     |         |                |          |                  |         |
| 1         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 62      | 3.850,0        | 2.013,5   | DGT      | 49                                  | 62      | 3.850,0        | DGT      |                  |         |
| 2         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 708     | 280,0          | 274,9     | DTL      | 49                                  | 708     | 280,0          | DTL      |                  |         |
| 3         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 1456    | 441,0          | 8,9       | DTL      | 49                                  | 1456    | 441,0          | DTL      |                  |         |
| 4         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 1468    | 292,0          | 11,0      | DTL      | 49                                  | 1468    | 292,0          | DTL      |                  |         |
| 5         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 1713    | 97,0           | 60,7      | DTL      | 49                                  | 1713    | 97,0           | DTL      |                  |         |
| 6         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 1714    | 183,0          | 134,4     | DTL      | 49                                  | 1714    | 183,0          | DTL      |                  |         |
| 7         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 1721    | 118,0          | 0,6       | DTL      | 49                                  | 1721    | 118,0          | DTL      |                  |         |
| 8         | UBND xã Bình Sơn                      | 49        | 2293    | 946,0          | 731,1     | DTL      | 49                                  | 2293    | 946,0          | DTL      |                  |         |
| Tổng cộng |                                       |           |         | 6.207,0        | 3.235,1   |          |                                     |         |                |          |                  |         |